

PHÁT TRIỂN THỂ THAO BIỂN TẠI VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG VIỆT NAM: BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ MÔ HÌNH QUẢN LÝ

TS. Phạm Tuấn Hùng¹, TS. Huỳnh Việt Nam²

¹Khoa GDTC – Đại học Đà Nẵng

²Trường Đại học TDTT Đà Nẵng

Email: hung.romt@gmail.com

Tóm tắt: Bài viết này sẽ tìm hiểu quá trình phát triển thể thao biển tại vùng Duyên hải miền Trung Việt Nam, trên cơ sở các bài học kinh nghiệm từ các mô hình quản lý thể thao biển thành công ở các quốc gia như Úc, Singapore, Thái Lan, Indonesia và UAE. Bài viết cung cấp phân tích toàn diện về các mô hình quản lý tiềm năng, bao gồm Mô hình sở hữu Nhà nước, mô hình quan hệ đối tác công tư (PPP) và mô hình sở hữu tư nhân. Ngoài ra, bài viết còn đưa ra các ví dụ về phát triển trung tâm thể thao biển tại Việt Nam, nhằm cung cấp thông tin chi tiết và khuyến nghị cho các nhà hoạch định chính sách, nhà đầu tư và các bên liên quan tham gia vào lĩnh vực thể thao biển. Mục tiêu cuối cùng là tạo ra các cơ sở thể thao biển đẳng cấp thế giới thu hút cả du khách trong nước và quốc tế, đóng góp vào tăng trưởng kinh tế và thúc đẩy du lịch bền vững.

Từ khóa: Mô hình quản lý, thể thao biển, Duyên hải miền Trung, quan hệ đối tác công tư

Abstract: This article delves into the development of marine sports in the coastal central region of Vietnam, drawing valuable lessons from successful models in countries such as Australia, Singapore, Thailand, Indonesia, and the UAE. It provides a comprehensive analysis of potential management models, including state-owned, public-private partnerships (PPPs), and private ownership. Additionally, the article offers detailed examples of beach and marine sports center development in Vietnam, aiming to provide insights and recommendations for policymakers, investors, and stakeholders involved in the marine sports sector. The ultimate goal is to create world-class facilities that attract both local and international visitors, contribute to economic growth, and promote sustainable tourism.

Keywords: Management model, Beach and Marine sports, Central Coastal region, Public-private partnerships (PPP)

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngày nay, thể thao biển trên thế giới đã trở thành một ngành công nghiệp dịch vụ quan trọng có tiềm năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tăng cường du lịch và thúc đẩy lối sống lành mạnh. Vùng duyên hải miền Trung Việt Nam, đặc trưng bởi đường bờ biển rộng lớn, khí hậu thuận lợi và đa dạng sinh học biển phong phú,

là bối cảnh lý tưởng cho sự phát triển của thể thao biển. Khu vực này, bao gồm các thành phố như Đà Nẵng, Nha Trang, các bờ biển đẹp và trải dài, hệ thống các đảo nhỏ ven bờ, mang đến sự kết hợp độc đáo giữa vẻ đẹp thiên nhiên và vị trí chiến lược, khiến nơi đây trở thành ứng cử viên hàng đầu cho sự phát triển thể thao biển.

Sự phát triển của các môn thể thao biển ở khu vực này có thể phục vụ nhiều mục đích. Thứ nhất, sự phát triển của thể thao biển đóng vai trò là chất xúc tác cho du lịch, thu hút cả du khách trong nước và quốc tế. Các môn thể thao biển như thuyền buồm, chèo thuyền kayak, chèo ván đứng, lướt ván buồm, lướt ván điều và lặn là những hoạt động phổ biến có thể thu hút khách du lịch tìm kiếm sự phiêu lưu và giải trí. Thứ hai, việc thúc đẩy các môn thể thao biển có thể đóng góp vào nền kinh tế địa phương bằng cách tạo ra việc làm, kích thích các doanh nghiệp địa phương và thúc đẩy phát triển cộng đồng. Thứ ba, các môn thể thao biển có thể đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy nhận thức và bảo tồn môi trường. Bằng cách tham gia vào các hoạt động làm nổi bật tầm quan trọng của hệ sinh thái biển, những người tham gia có thể phát triển sự trân trọng sâu sắc hơn đối với môi trường và hỗ trợ các nỗ lực bảo tồn.

Sự phát triển thành công của thể thao biển ở vùng ven biển miền Trung Việt Nam đòi hỏi phải có sự quản lý, lập kế hoạch dài hạn. Cần thiết phải học hỏi từ các mô hình thành công ở các quốc gia khác để có thông lệ tốt và hạn chế nguy cơ tiềm ẩn. Các quốc gia như Úc, Singapore, Thái Lan, Indonesia và UAE đã phát triển thể thao biển thông qua nhiều mô hình quản lý khác nhau, bao gồm các cơ sở sở hữu nhà nước, quan hệ đối tác công tư (Public-Private Partnerships - PPP) và sở hữu tư nhân.

Thông qua việc phân tích nhiều mô hình quản lý khác nhau và bài học kinh nghiệm từ các điển hình, sẽ đề xuất các khuyến nghị về chiến lược và mô hình có thể được sử dụng để phát triển thành công các môn thể thao biển ở vùng Duyên hải miền Trung Việt Nam.

NỘI DUNG

1. Tổng hợp các mô hình quản lý phát triển thể thao biển

1.1. Mô hình sở hữu nhà nước

Các mô hình do nhà nước sở hữu, trong đó các cơ sở thể thao biển được chính phủ đầu

tư và quản lý, đảm bảo quyền tiếp cận rộng rãi của công chúng và phù hợp với các chính sách thể thao quốc gia. Ưu điểm của mô hình này là việc đảm bảo khả năng tiếp cận rộng rãi, và tiềm năng phát triển cơ sở hạ tầng quy mô lớn. Tuy nhiên, mô hình này có thể phải đối mặt với những thách thức như tình trạng kém hiệu quả của bộ máy hành chính và hạn chế về đổi mới.

Ví dụ: Bờ biển Địa Trung Hải, Tây Ban Nha Các cơ sở do nhà nước sở hữu tại Tây Ban Nha đã được hưởng lợi từ khoản đầu tư đáng kể của chính phủ, dẫn đến cơ sở hạ tầng được bảo trì tốt và các tiêu chuẩn an toàn cao; Rạn san hô Great Barrier, Úc: Được quản lý bởi Cơ quan Công viên biển Rạn san hô Great Barrier, cơ sở do nhà nước sở hữu này tạo ra doanh thu đáng kể thông qua du lịch trong khi vẫn đảm bảo bảo vệ môi trường nghiêm ngặt⁴. Vịnh Hạ Long: Được quản lý bởi chính phủ Việt Nam, Vịnh Hạ Long là Di sản thế giới của UNESCO thu hút hàng triệu khách du lịch hàng năm. Quyền sở hữu của nhà nước đảm bảo các biện pháp bảo tồn nghiêm ngặt nhưng có thể hạn chế tính linh hoạt trong việc cung cấp dịch vụ⁹.

1.2. Mô hình đối tác công tư (PPP)

Là mô hình liên doanh hợp tác giữa chính phủ và các đơn vị tư nhân để chia sẻ chi phí, rủi ro và lợi ích. Thông thường được tiến hành dưới hình thức: Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT), trong đó khu vực tư nhân xây dựng và vận hành cơ sở trong một khoảng thời gian nhất định trước khi chuyển giao quyền sở hữu cho chính phủ. Mô hình này có ưu điểm trong việc kết hợp giám sát của công chúng với tính hiệu quả và đổi mới của khu vực tư nhân. Tuy nhiên, các mô hình này có thể phức tạp để trong việc quá trình phối hợp thỏa thuận ban đầu, nhưng mang lại lợi ích đáng kể về mặt chi phí và rủi ro được chia sẻ.

Ví dụ: Florida Keys, Hoa Kỳ: Mô hình PPP tại Florida Keys đã mang lại những lợi ích kinh tế đáng kể, bao gồm tạo việc làm và phát triển cơ sở hạ tầng. Sự hợp tác giữa chính phủ và các thực thể tư nhân đảm bảo cả đầu tư và giám sát theo quy định¹; Sáng kiến Tam giác

San hô (Thái Bình Dương): Sáng kiến này liên quan đến nhiều quốc gia và các bên liên quan tư nhân, tập trung vào du lịch bền vững và bảo tồn. Mô hình PPP đảm bảo sự phát triển cân bằng và tăng trưởng thành công¹.

1.3. Mô hình quản lý và sở hữu Tư nhân

Là mô hình các cơ sở thể thao biển do các tổ chức hoặc công ty tư nhân đầu tư, tài trợ, xây dựng và quản lý. Mô hình này có ưu điểm là hiệu quả trong hoạt động cao, tính năng động, đổi mới và khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, mô hình này lại hạn chế trong việc tiếp cận dịch vụ của quần chúng nhân dân và mục đích thu lợi nhuận là chính

Ví dụ: Bờ biển Địa Trung Hải, Châu Âu: Các cơ sở thể thao biển do tư nhân sở hữu ở các quốc gia như Ý và Hy Lạp đã phát triển mạnh mẽ nhờ mức đầu tư cao và dịch vụ sáng tạo. Các cơ sở này thường dẫn đầu về sự hài lòng của khách hàng và tạo ra doanh thu¹⁰; Maldives: Các khu nghỉ dưỡng tư nhân ở Maldives cung cấp các trải nghiệm thể thao biển độc quyền, tạo ra doanh thu đáng kể và tạo ra nhiều việc làm. Mô hình sở hữu tư nhân cho phép thích ứng nhanh chóng với nhu cầu của thị trường¹; Nha Trang: Các nhà điều hành tư nhân tại Nha Trang cung cấp nhiều hoạt động thể thao trên biển, đóng góp đáng kể vào nền kinh tế địa phương. Tính linh hoạt và sáng tạo của quyền sở hữu tư nhân đã dẫn đến mức độ hài lòng cao của du khách⁹.

Bảng 1. So sánh một số hiệu quả kinh tế - xã hội giữa các mô hình quản lý

| Hiệu quả | Mô hình sở hữu nhà nước | Mô hình đối tác công tư (PPP) | Mô hình quản lý và sở hữu tư nhân |
|----------------------------------|--|--|--|
| Cơ hội Việc làm | Tạo ra các cơ hội việc làm trực tiếp, ổn định trong khu vực hành chính công, bao gồm nhân viên hành chính, huấn luyện viên, nhân viên cứu hộ và nhân viên bảo trì, nhưng thiếu tính năng động của khu vực tư nhân. | PPP có thể tạo ra việc làm tương tự như các cơ sở do Nhà nước sở hữu. Tạo ra thị trường việc làm cân bằng với các cơ hội trong cả khu vực công và tư nhân. | Khả năng tạo việc làm cao, đặc biệt là trong các vai trò hướng đến dịch vụ. |
| Doanh thu hàng năm | Doanh thu chủ yếu đến từ phí sử dụng, tư cách thành viên và tài trợ. Nhìn chung ổn định nhưng có thể bị hạn chế bởi các quy trình quan liêu. | PPP chia sẻ rủi ro về doanh thu với các nhà khai thác tư nhân. doanh thu cao do đầu tư kết hợp và quản lý hiệu quả. | Thường tạo ra doanh thu cao nhất do tính linh hoạt và các chiến lược theo định hướng thị trường.. |
| Chi phí xây dựng ban đầu | Khoản đầu tư cơ sở hạ tầng ban đầu do Chính phủ chi trả. | Các đối tác tư nhân đầu tư vào cơ sở hạ tầng, thường thông qua phí nhượng quyền. | Đầu tư tư nhân chi trả cho cơ sở hạ tầng ban đầu. |
| Chi phí bảo trì, vận hành | Chi phí cao do yêu cầu bảo tồn và quy định rộng rãi. | Chi phí cân bằng do đầu tư chung và quản lý hiệu quả. | Chi phí ban đầu cao nhưng thường thấp hơn về lâu dài do quản lý hiệu quả và chiến lược theo định hướng thị trường. |
| Hài lòng khách hàng | Tỉ lệ tương đối cao do các tiêu chuẩn về an toàn và bảo tồn nhưng có thể bị ảnh hưởng bởi tình trạng kém hiệu quả của bộ máy quan liêu. | Tỉ lệ cao do quản lý hiệu quả và đầu tư vào trải nghiệm của khách hàng. | Tỉ lệ thường cao nhất do tính đổi mới và khả năng phản ứng với thị trường. |
| Thách thức | Hiệu quả quản lý mạng tính quan liêu, hạn chế trong đổi mới và ngân sách duy trì. Đảm bảo quyền tiếp cận công bằng. | Cân bằng lợi nhuận và lợi ích công cộng, tiềm ẩn xung đột lợi ích và rào cản về mặt pháp lý, đảm bảo quyền tiếp cận công bằng. | Chi phí tiềm ẩn cao và động cơ hướng đến lợi nhuận. Khả năng tiếp cận công cộng hạn chế |

Như vậy có thể thấy rằng, mỗi một mô hình quản lý có những lợi thế cũng như những hạn chế khác nhau, qua bảng so sánh trên có thể rút

ra một số ý nghĩa trong hoàn cảnh thực tế của Việt Nam như sau:

- Mô hình quản lý thể thao biển do nhà nước sở hữu đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy thể thao, du lịch và sự tham gia của cộng đồng. Bằng cách tận dụng nguồn tài trợ và giám sát của chính phủ, các cơ sở này có thể đảm bảo sự tiếp cận rộng rãi của công chúng và sự phù hợp với các chính sách quốc gia. Tuy nhiên, những thách thức như tình trạng kém hiệu quả của bộ máy hành chính, hạn chế đổi mới và cân bằng giữa sự tiếp cận của công chúng với khả năng thương mại phải được giải quyết để đảm bảo thành công lâu dài.

- Do đó, đề xuất việc cân nhắc sử dụng mô hình PPP, vì mô hình này có triển vọng để phát triển thể thao biển bền vững ở Việt Nam, bằng cách kết hợp hỗ trợ của chính phủ với đầu tư tư nhân, thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng và thu hút khách du lịch. Ngoài ra, mô hình sở hữu tư nhân (ví dụ như các cơ sở hiện có ở Nha Trang) cũng có thể đóng góp đáng kể vào nền kinh tế địa phương thông qua đổi mới và cung cấp dịch vụ chất lượng cao. Tuy nhiên, khi áp dụng các mô hình này ở Việt Nam, có thể phải đối mặt với những thách thức như cơ sở hạ tầng hạn chế, rào cản pháp lý và các vấn đề về môi trường. Bằng cách giải quyết các thách thức về cơ sở hạ tầng và quy định, Việt Nam có thể mở ra những lợi ích kinh tế đáng kể và nâng cao vị thế là điểm đến hàng đầu cho thể thao biển¹⁸.

2. Các bài học kinh nghiệm về mô hình thể thao biển thành công

2.1. Trung tâm Regatta Quốc tế Sydney, Úc (Sydney International Regatta Centre): được phát triển cho Thế vận hội Sydney năm 2000, cơ sở này là địa điểm hàng đầu cho chèo thuyền và chèo canoe (canoeing) .

- Mô hình PPP: Liên doanh giữa Chính quyền New South Wales và các đơn vị tư nhân.

- Các tính năng chính: Cơ sở hạ tầng chất lượng cao, bảo trì thường xuyên và sự tham gia của cộng đồng.

- Các yếu tố thành công: Sự hỗ trợ mạnh mẽ của chính quyền, các thỏa thuận hợp đồng rõ ràng và việc sử dụng liên tục các cơ sở¹⁵.

- Bài học vận dụng cho Việt Nam: Tập trung phát triển các cơ sở thể thao với các hình thức thể thao với thuyền (sailing, kayaking, SUP) và lướt ván (wind surfing, kite surfing, hydrofoil...) chất lượng cao tại các thành phố trong khu vực như Đà Nẵng, Quy Nhơn, Nha Trang. Đảm bảo sự hỗ trợ mạnh mẽ của chính quyền và liên kết các trường đại học địa phương để nghiên cứu xây dựng chương trình và tổ chức đào tạo. Có tiềm năng trong việc tổ chức các sự kiện quốc tế cũng có thể thúc đẩy phát triển thể thao biển

2.2. Trung tâm thể thao Singapore (Singapore Sports Hub): là cơ sở thể thao đa năng bao gồm một trung tâm thể thao dưới nước đẳng cấp thế giới.

- Mô hình PPP: Thỏa thuận Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao (BOT) giữa chính quyền Singapore và tập đoàn tư nhân.

- Các tính năng chính: Công nghệ tiên tiến, các chương trình đa dạng và quan hệ đối tác chặt chẽ.

- Các yếu tố thành công: Tích hợp công nghệ, sự tham gia của nhiều người dùng và sự hợp tác quốc tế².

- Bài học vận dụng cho Việt Nam: Xây dựng các trung tâm thể thao đa năng tại các thành phố lớn như trong khu vực (thậm chí phát triển ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội), bao gồm các trung tâm thể thao dưới nước, liên quan đến các môn thi đấu như thuộc môn bơi, lặn và bóng nước. Hợp tác với các tổ chức thể thao quốc tế để tổ chức các sự kiện và trại huấn luyện. Tập trung vào các hoạt động có tính toàn diện để thu hút cả vận động viên và khách du lịch.

2.3. Trung tâm thể thao biển Phuket, Thái Lan (Phuket Marine Sports Centre):

Tập trung vào các hoạt động thân thiện với môi trường và dịch vụ chất lượng cao để thu hút khách du lịch quốc tế.

- Mô hình PPP: Liên doanh giữa chính phủ Thái Lan và các công ty du lịch tư nhân.

- Các tính năng chính: Các sáng kiến bền vững, dịch vụ chất lượng và tiếp thị quốc tế.
- Các yếu tố thành công: Tập trung tính bền vững, dịch vụ chất lượng và tiếp thị quốc tế¹⁶.
- Bài học vận dụng cho Việt Nam: Mở rộng các khu bảo tồn biển dọc theo bờ biển và các đảo ven biển Việt Nam để tăng cường đa dạng sinh học và hỗ trợ các môn thể thao biển mang tính giải trí, thư giãn như lặn, chèo ván, các môn thể thao bãi biển, các trải nghiệm thể thao giải trí khác (jetskiing, paragliding, parasurfing,...). Tổ chức các sự kiện thể thao bãi biển. Thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào các nỗ lực bảo tồn và đảm bảo thực thi hiệu quả các quy định. Hợp tác với các tổ chức bảo tồn quốc tế để được hỗ trợ kỹ thuật và tài trợ.

2.4. Khu liên hợp thể thao biển Bali, Indonesia và Dubai Marina, UAE:

Nổi tiếng với các tiện nghi sang trọng và các sự kiện nổi bật. Tập trung vào sự sang trọng, tính bền vững và dịch vụ chất lượng cao

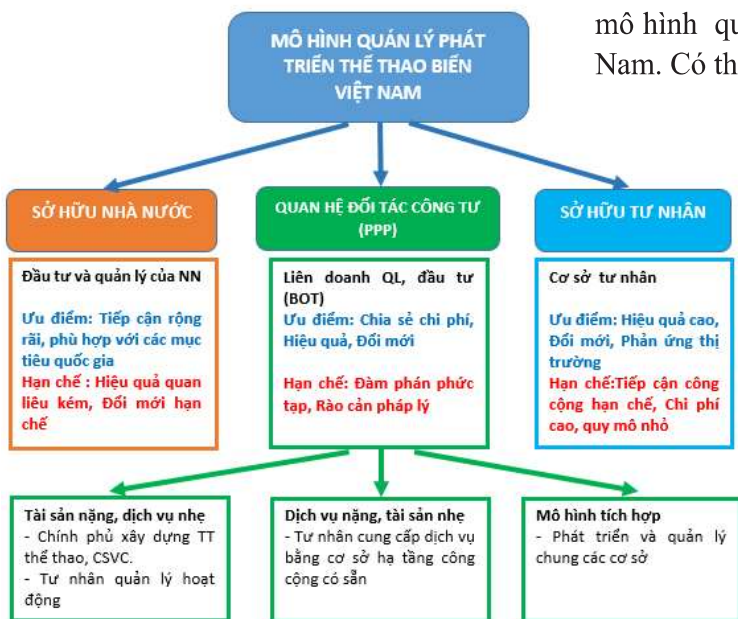
- Mô hình PPP: Quan hệ đối tác công tư có sự tham gia của chính phủ Indonesia, UAE và các nhà đầu tư tư nhân.

- Các tính năng chính: Định vị sang trọng, tổ chức sự kiện và xây dựng thương hiệu mạnh, thực hành phát triển bền vững.
- Các yếu tố thành công: Kết hợp sự sang trọng với tính bền vững, tận dụng các sự kiện quốc tế để tăng tính thu hút.
- Bài học vận dụng cho Việt Nam: Phát triển các bến du thuyền sang trọng, các khu vui chơi thể thao biển quy mô lớn tại các thành phố, đảo là điểm đến du lịch như ở Đà Nẵng, Khánh Hòa (có thể xem xét đến trường hợp Phú Quốc, Cát Bà, Côn Đảo, Vịnh Hạ Long,...). Tập trung vào các tiện nghi và dịch vụ cao cấp để thu hút những người đam mê du thuyền và thuyền buồm, trải nghiệm các môn thể thao giải trí dưới nước. Kết hợp với các sự kiện Văn hóa, thể thao mang tính quốc tế để quảng bá các khu vực này là điểm đến hàng đầu cho các môn thể thao biển và du lịch.

3. Đề xuất mô hình quản lý phát triển thể thao biển khu vực duyên hải miền trung

3.1 Đề xuất mô hình quản lý

Như đã phân tích ở mục 2, hiện nay để phát triển thể thao biển có thể thông qua nhiều mô hình quản lý khác nhau, bao gồm các cơ sở sở hữu nhà nước, quan hệ đối tác công tư (PPP) và sở hữu tư nhân. Trong đó, mô hình PPP có tính linh hoạt, tiềm năng cho việc phát triển các mô hình quản lý phát triển thể thao biển ở Việt Nam. Có thể khái quát theo sơ đồ 1 dưới đây.



Sơ đồ 1:
Mô hình chung trong phát triển thể thao biển

Qua sơ đồ, cho thấy Việt Nam có thể lựa chọn các hình thức của mô hình PPP quản lý tiềm năng, bao gồm:

- **Mô hình nặng về tài sản, nhẹ về dịch vụ:** Tập trung vào cơ sở hạ tầng, Chính phủ cung cấp cơ sở hạ tầng, trong khi các thực thể tư nhân quản lý dịch vụ. Ví dụ: Chính phủ xây dựng Trung tâm phục vụ thể thao biển, bến du thuyền, các công ty tư nhân quản lý và tổ chức các hoạt động thể thao.

- **Mô hình nặng về dịch vụ, nhẹ về tài sản:** Tập trung vào dịch vụ, các thực thể tư nhân cung cấp dịch vụ bằng cách sử dụng cơ sở hạ tầng công cộng hiện có. Ví dụ: Các công ty tư nhân cung cấp các chương trình đào tạo và sự kiện tại các bãi biển công cộng.

- **Mô hình tích hợp:** Quan hệ đối tác toàn diện, Chính phủ và các nhà đầu tư tư nhân phối

hợp phát triển và quản lý chung các cơ sở và dịch vụ. Ví dụ: Liên doanh để phát triển và vận hành các khu liên hợp thể thao trên biển.

Để dễ hình dung và triển khai các bước nghiên cứu sâu hơn, nghiên cứu sẽ sơ bộ phác thảo mô hình Quan hệ đối tác công tư - PPP phù hợp với sự phát triển của thể thao biển tại Duyên hải miền Trung Việt Nam. Mô hình này nhằm mục đích thu hút đầu tư tư nhân trong khi vẫn đảm bảo tăng trưởng cơ sở hạ tầng bền vững. Trong mô hình PPP, thành phần các bên tham gia gồm: Các cơ quan chính phủ, các nhà đầu tư tư nhân, cộng đồng địa phương và các tổ chức phi chính phủ. Dự án phát triển thể thao biển theo mô hình PPP cần được triển khai theo nhiều bước với sự tham gia của đồng thời nhiều bên, với trách nhiệm khác nhau.

Có thể khái quát qua sơ đồ 2.



Sơ đồ 2: Mô hình quản lý Quan hệ đối tác công tư - PPP trong triển khai dự án phát triển thể thao biển

Trong mô hình này còn thể hiện các tương tác và thách thức chính, cụ thể:

- Chính phủ và khu vực tư nhân: Sự hợp tác chặt chẽ là điều cần thiết để triển khai dự án thành công. Thách thức có thể phát sinh do các ưu tiên và khả năng chịu rủi ro khác nhau.

- Chính phủ và cộng đồng địa phương: Tham vấn và tương tác hiệu quả giữa các bên là yêu cầu quan trọng để xây dựng lòng tin và sự hỗ trợ. Những thách thức bao gồm giải quyết các mối quan tâm và kỳ vọng của cộng đồng.

- Khu vực tư nhân và cộng đồng địa phương: Quan hệ đối tác có thể mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương. Những thách thức bao gồm cân bằng giữa việc tối đa hóa lợi nhuận với phúc lợi cộng đồng.

- Các tổ chức phi chính phủ và tất cả các bên liên quan: Các tổ chức phi chính phủ đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính bền vững về môi trường và xã hội. Những thách thức bao gồm việc tiếp cận thông tin và tác động đến quá trình ra quyết định.

Bằng việc giải quyết tốt những những mối quan hệ này, các bên liên quan có thể hợp tác hiệu quả hơn để đạt được các mục tiêu của dự án phát triển thể thao biển theo mô hình PPP.

3.2 Ví dụ về phát triển thể thao biển tại Việt Nam theo mô hình PPP

Trung tâm phức hợp thể thao biển Đà Nẵng (Da Nang Marine Sport Complex)

Đà Nẵng, với đường bờ biển dài và ngành du lịch sôi động, là nơi lý tưởng để xây dựng một trung tâm thể thao biển.

Cơ sở vật chất: Bến du thuyền, trung tâm đào tạo, địa điểm thi đấu và khu vực giải trí.

Mô hình quản lý: Mô hình PPP với chính phủ cung cấp cơ sở hạ tầng và các đơn vị tư nhân quản lý dịch vụ.

Các tính năng chính: Thiết kế thân thiện với môi trường, tiêu chuẩn an toàn cao và

tổ chức các sự kiện thể thao biển lớn và các chương trình gắn kết cộng đồng.

Chuỗi trung tâm thể thao biển Nha Trang (Nha Trang Marine Sport Hub)

Nha Trang - Khánh Hòa nổi tiếng với những bãi biển nguyên sơ và vùng nước trong xanh, mang đến bối cảnh độc đáo cho các môn thể thao biển.

Cơ sở vật chất: Trung tâm lặn, câu lạc bộ thuyền buồm và các hoạt động trải nghiệm thể thao biển, du lịch sinh thái, bao gồm cơ sở vật chất của các khu nghỉ dưỡng và công cộng

Mô hình quản lý: Mô hình PPP thiên về dịch vụ với sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý để đảm bảo tính bền vững.

Các tính năng chính: Hướng đến tiện nghi sang trọng/ đồng thời với trải nghiệm cộng đồng, hoạt động bền vững và dịch vụ chất lượng cao.

Ngoài ra, tại các đảo nhỏ và bãi biển trải dài ở vùng Duyên hải Trung bộ như Cù lao Chàm, Đảo Lý Sơn, các bãi biển từ Quảng Nam đến Bình Định, các vịnh, vụng biển khu vực Phú Yên, Ninh Thuận có thể xây dựng các khu bảo tồn biển để tăng cường đa dạng sinh học và sử dụng mô hình PPP quy mô nhỏ kết hợp với mô hình sở hữu tư nhân hỗ trợ các môn thể thao biển mang tính giải trí, thư giãn như lặn, chèo ván, các môn thể thao bãi biển, các trải nghiệm thể thao giải trí khác (paragliding, parasurfing,...). Tổ chức các sự kiện thể thao bãi biển. Thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào các nỗ lực bảo tồn và đảm bảo thực thi hiệu quả các quy định. Hợp tác với các tổ chức bảo tồn quốc tế để được hỗ trợ kỹ thuật và tài trợ

KẾT LUẬN

Vùng duyên hải miền Trung Việt Nam, với đường bờ biển dài trải dài hơn 1.000 km và nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, mang đến một cơ hội độc đáo và đầy hứa hẹn cho sự

phát triển của các môn thể thao biển. Nghiên cứu của chúng tôi đã khám phá các chiều hướng chính, rút ra những hiểu biết sâu sắc từ các mô hình quốc tế thành công và bối cảnh địa phương. Sau đây là những điểm nổi bật:

Các mô hình quản lý chiến lược bao gồm: Sở hữu nhà nước, các dự án do nhà nước đầu tư có thể tạo ra các trung tâm thể thao đẳng cấp thế giới, thúc đẩy lợi ích kinh tế và sự tham gia của cộng đồng; Quan hệ đối tác công tư (PPP): Tận dụng PPP có thể đẩy nhanh quá trình phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao hiệu quả hoạt động và thu hút đầu tư tư nhân. Khung pháp lý của Việt Nam hỗ trợ cách tiếp cận hợp tác này; Sở hữu tư nhân: Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào các cơ sở thể thao biển đảm bảo tính đổi mới và bền vững.

Bài học từ những câu chuyện thành công quốc tế ở Úc, Singapore, Thái Lan, Indonesia và UAE cung cấp những hiểu biết sâu sắc có giá trị. Các mô hình của họ nhấn mạnh vào sự hợp tác, đổi mới và tầm nhìn dài hạn. Việt Nam có thể áp dụng những bài học này vào bối cảnh độc đáo của mình, thúc đẩy hệ phát triển sinh thái thể thao biển năng động.

Khuyến nghị các nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan: Cần ưu tiên phát triển bền vững, bảo vệ hệ sinh thái biển; Thúc đẩy quan hệ đối tác liên ngành và trao đổi kiến thức; Đầu tư vào xây dựng năng lực và phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển thể thao biển.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. A global estimate of benefits from ecosystem-based marine recreation <https://link.springer.com/article/10.1007/s10818-010-9092-7>.
- [2]. A short history of PPPs for development: the good, the bad, and the hopeful. <https://blogs.worldbank.org/en/ppps/short-history-ppps-development-good-bad-and-hopeful>.
- [3]. AN OVERVIEW OF AQUACULTURE DEVELOPMENT IN VIETNAM - tiikmpublishing.com. <https://tiikmpublishing.com/data/conferences/doi/icfa/10.1750123861282.2021.7105.pdf>.
- [4]. Analysis and global research trends on nautical tourism and greedevelopment. <https://enveurope.springeropen.com/articles/10.1186/s12302-022-00614-2>.
- [5]. Chapter 1 Introduction to Public-Private Partnerships - World Bank. https://ieg.worldbankgroup.org/sites/default/files/Data/reports/chapters/ppp_chap1_0.pdf.8
- [6]. Constraints in Implementing Public-Private Partnerships (PPPs) in https://link.springer.com/chapter/10.1007/978-981-99-2345-8_14.
- [7]. Critical Review of Vietnam's Marine Management and New Insights https://seapower.navy.gov.au/sites/default/files/documents/Soundings_Papers_29_2021.pdf.
- [8]. How marine protected areas can drive economic growth | World Economic Forum. <https://www.weforum.org/agenda/2024/04/marine-protected-areas-drive-economic-growth/>